

# THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP THƯƠNG MẠI BẰNG TRỌNG TÀI

## 1. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại bằng trọng tài

### 1.1. Thẩm quyền theo vụ việc

Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định trọng tài có thẩm quyền giải quyết các loại tranh chấp sau đây:

- (i) Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại;
- (ii) Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; và
- (iii) Tranh chấp khác giữa các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài.

Đối với nhóm các vụ việc thứ (i), trái với Pháp lệnh trọng tài thương mại năm 2003 quy định cụ thể các loại “hoạt động thương mại” theo hình thức liệt kê, Luật trọng tài thương mại năm 2010 không hề có quy định nào giải thích khái niệm “hoạt động thương mại”. Vì vậy, khi vận dụng luật, ta phải căn cứ vào quy định pháp luật có quan hệ gần nhất là Luật Thương mại năm 2005, khoản 1 Điều 3 của luật này quy định “hoạt động thương mại” gồm các “hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”. Như vậy, có thể thấy phạm vi của hoạt động thương mại rất rộng. Bên cạnh những hoạt động đã được liệt kê cụ thể trong luật thì bất kỳ hoạt động nào khác chỉ cần thỏa mãn điều kiện nhằm “mục đích sinh lợi” cũng được coi là hoạt động thương mại và tranh chấp phát sinh từ các hoạt động này có thể được trọng tài giải quyết. Ví dụ về một số hoạt động thương mại cụ thể như phân phối; đại diện, đại lý thương mại; ký gửi; thuê, cho thuê; thuê mua; xây dựng; tư vấn; kỹ thuật; li - xăng; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò, khai thác; vận

chuyển hàng hoá, hành khách bằng đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ. Một số quan hệ không nhằm mục đích sinh lợi và do đó không thuộc thẩm quyền của trọng tài như giao dịch tặng cho, mượn tài sản, thừa kế, hôn nhân gia đình. Những quan hệ này khi xảy ra tranh chấp sẽ thuộc thẩm quyền của Tòa án và các bên dù muốn cũng không có quyền yêu cầu trọng tài giải quyết.

Đối với nhóm các vụ việc thứ (ii), đây là trường hợp đặc biệt mà trọng tài có thẩm quyền ngay cả khi tranh chấp không phát sinh từ một hoạt động thương mại, với điều kiện là một trong các bên “có hoạt động thương mại”. Tuy nhiên, Luật không giải thích rõ khái niệm “bên có hoạt động thương mại” là thế nào và liệu bên đó phải thực hiện hoạt động thương mại một cách thường xuyên hay chỉ cần thực hiện hoạt động thương mại trong giao dịch xảy ra tranh chấp. Về vấn đề này, Luật thương mại quy định hai nhóm đối tượng có thể được coi là có hoạt động thương mại, gồm (1) thương nhân và (2) tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến thương mại. Thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh (khoản 1 Điều 6 Luật Thương mại). Tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến thương mại tuy không được định nghĩa cụ thể nhưng có thể hiểu là gồm tổ chức, cá nhân không phải thương nhân nhưng vẫn tham gia hoạt động thương mại, ví dụ như những cá nhân hoạt động thương mại độc lập không phải đăng ký kinh doanh (buôn bán rong, buôn bán vật, bán quà vật, buôn chuyên, dịch vụ đánh giày, bán vé số, chữa khóa, sửa chữa xe, trông giữ xe, rửa xe, cắt tóc, vẽ tranh, chụp ảnh, v.v.<sup>1</sup>) hoặc những tổ chức đặc biệt được lập ra để quản lý hoạt động đầu tư cho doanh nghiệp như các ban quản lý dự án.

---

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 39/2007/NĐ-CP về cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh.

Đối với nhóm các vụ việc thứ (iii), đây là trường hợp dự liệu trước của luật. Nếu một tranh chấp không phát sinh từ hoạt động thương mại, cũng không có bên nào có hoạt động thương mại, tuy nhiên pháp luật chuyên ngành quy định phải giải quyết bằng trọng tài thì áp dụng trường hợp này.

### ***1.2. Thẩm quyền theo yêu cầu của các bên - Thỏa thuận trọng tài***

Khoản 1 Điều 5 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định rõ tranh chấp được giải quyết bằng Trọng tài nếu các bên có thỏa thuận trọng tài. Như vậy, thỏa thuận giữa các bên tranh chấp là điều kiện tiên quyết để làm phát sinh thẩm quyền của trọng tài. Quy định này khác với tố tụng Tòa án, theo đó khi xảy ra tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết mà không cần được bên kia đồng ý vì thẩm quyền của Tòa án là đương nhiên. Nhưng với trọng tài thì không phải như vậy, nếu các bên không có thỏa thuận giải quyết bằng trọng tài thì trọng tài tuyệt nhiên không có thẩm quyền gì. Tuy nhiên, cũng cần chú ý là một khi các bên đã đồng ý giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thì Tòa án không còn thẩm quyền nữa và phải từ chối thụ lý vụ án khi một bên khởi kiện tại tòa, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được (Điều 6 Luật trọng tài thương mại).

Một trường hợp đặc biệt phát sinh trong quan hệ giữa người tiêu dùng và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ. Điều 17 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định kể cả khi hợp đồng mẫu do nhà cung cấp soạn sẵn ghi nhận điều khoản trọng tài thì người tiêu dùng vẫn được quyền lựa chọn trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết tranh chấp (dù người tiêu dùng đã mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ theo hợp đồng mẫu). Không những thế, nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ chỉ được quyền khởi kiện tại Trọng tài nếu được người tiêu dùng chấp thuận. Đây là trường hợp hãn hữu mà trong đó luật không ghi nhận thỏa thuận ban đầu giữa các bên và trao hẳn cho một bên (người tiêu dùng) toàn quyền quyết định phương thức tố tụng phù hợp. Quy định

này nhằm mục đích bảo vệ người tiêu dùng, là bên yếu thế hơn trong giao dịch, bởi họ khó hoặc thậm chí không có khả năng đàm phán, sửa đổi các điều khoản hợp đồng mẫu của nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ nên rất khó khăn định họ đã được quyền “thỏa thuận” điều khoản trọng tài một cách bình đẳng hay chưa. Do đó, luật đảm bảo là nếu người tiêu dùng thực sự cũng muốn chọn trọng tài thì họ có thể xác nhận lại mong muốn của mình khi tranh chấp xảy ra. Trường hợp họ không muốn chọn trọng tài nhưng đã buộc phải ký hợp đồng theo mẫu định sẵn thì khi có tranh chấp, họ có thể thay đổi lại quyết định của mình và chọn Tòa án.

### ***Một số điểm lưu ý về của thỏa thuận trọng tài:***

#### ***a) Thời điểm lập thỏa thuận trọng tài***

Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Khi giao dịch với nhau các bên có thể thỏa thuận trong hợp đồng là trường hợp xảy ra tranh chấp sẽ đưa ra trọng tài giải quyết. Tuy nhiên, điều này không phải là bắt buộc. Có thể lúc đầu các bên thỏa thuận Tòa án giải quyết tranh chấp hoặc không thỏa thuận nhưng khi xảy ra tranh chấp, các bên thỏa thuận lại trọng tài là cơ quan giải quyết tranh chấp thì trọng tài vẫn có thẩm quyền. Ngoài ra, nếu các bên đã có thỏa thuận trọng tài thì một bên không thể đơn phương hủy bỏ thỏa thuận đó. Ví dụ, bên đó không thể nói rằng mình không muốn thực hiện theo thỏa thuận trọng tài nữa và khởi kiện ra tòa. Tòa án sẽ phải từ chối thụ lý một yêu cầu như vậy.

#### ***b) Kế thừa thỏa thuận trọng tài***

Thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực kể cả khi một trong các bên của thỏa thuận không còn tồn tại hoặc không còn khả năng tham gia giao dịch. Nếu một bên là cá nhân chết hoặc mất năng lực hành vi, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với người thừa kế hoặc người đại diện theo pháp luật của người đó. Tương tự, nếu một bên là tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị phá sản, giải thể, hợp nhất, sáp nhập,

chia, tách hoặc chuyển đổi hình thức tổ chức, thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực đối với tổ chức nào tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó. Quy định này áp dụng trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

*c) Hình thức thỏa thuận trọng tài*

Thỏa thuận trọng tài có thể được lập dưới hình thức điều khoản trọng tài trong hợp đồng hoặc dưới hình thức thỏa thuận riêng. Tuy nhiên, lưu ý là trong bất kỳ trường hợp nào, dù thỏa thuận trọng tài có được ghi trong hợp đồng hay ngoài hợp đồng thì nó vẫn tồn tại độc lập với hợp đồng. Điều đó có nghĩa là việc thay đổi, gia hạn, hủy bỏ hợp đồng, hợp đồng vô hiệu hoặc không thể thực hiện được không làm mất hiệu lực của thỏa thuận trọng tài. Ví dụ, trong trường hợp hợp đồng chính bị vô hiệu vì một điều khoản bất kỳ của nó trái quy định pháp luật thì thỏa thuận trọng tài vẫn có hiệu lực bình thường và trọng tài vẫn có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, nếu lý do làm hợp đồng vô hiệu cũng liên quan đến hiệu lực thỏa thuận trọng tài thì thỏa thuận trọng tài vẫn có thể vô hiệu. Ví dụ, nếu hợp đồng vô hiệu vì người ký hợp đồng chưa đủ tuổi ký hợp đồng thì thỏa thuận trọng tài cũng vô hiệu vì cùng người đó là người ký kết thỏa thuận trọng tài và thỏa thuận do người chưa đủ tuổi ký thì vô hiệu.

Về mặt hình thức, thỏa thuận trọng tài phải được lập thành văn bản, gồm cả các dạng thức tương tự văn bản gồm:

- thỏa thuận được xác lập qua trao đổi giữa các bên bằng telegram, fax, telex, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định pháp luật;

- thỏa thuận được xác lập thông qua trao đổi thông tin bằng văn bản giữa các bên;

- thỏa thuận được luật sư, công chứng viên hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi chép lại bằng văn bản theo yêu cầu của các bên;

- trong giao dịch các bên có dẫn chiếu đến một văn bản có thể hiện thỏa thuận trọng tài như hợp đồng, chứng từ, điều lệ công ty và những tài liệu tương tự khác;

- qua trao đổi về đơn kiện và bản tự bảo vệ mà trong đó thể hiện sự tồn tại của thỏa thuận do một bên đưa ra và bên kia không phủ nhận.

#### *d) Thỏa thuận trọng tài vô hiệu*

Thỏa thuận trọng tài bị coi là vô hiệu trong một số trường hợp sau mà khi ấy trọng tài không có thẩm quyền và phải từ chối giải quyết tranh chấp:

(i) Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của trọng tài: tức là tranh chấp phát sinh từ giao dịch mà không phải hoạt động thương mại, không bên nào trong các bên có hoạt động thương mại, và cũng không có luật chuyên ngành nào quy định tranh chấp phải được giải quyết bằng trọng tài.

(ii) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật: tức là người xác lập thỏa thuận lại không phải là một bên của giao dịch và cũng không được ủy quyền hợp pháp để xác lập thỏa thuận. Ví dụ, quan hệ giữa hai công ty nhưng người ký không phải đại diện theo pháp luật của công ty và cũng không phải người được đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(iii) Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự:

- người chưa đủ 18 tuổi hoặc, trường hợp có tài sản riêng bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nêu trong hợp đồng, chưa đủ 15 tuổi, ký kết thỏa thuận mà không được người đại diện theo pháp luật của người đó đồng ý; hoặc

- người bị Tòa án tuyên mất năng lực hành vi dân sự do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình ký thỏa thuận; hoặc

- người bị Tòa án tuyên hạn chế năng lực hành vi dân sự do nghiện ma túy, nghiện các chất kích thích khác dẫn đến phá tán tài sản của gia đình, ký thỏa thuận mà không được người đại diện theo pháp luật của người đó đồng ý.

(iv) Hình thức trọng tài không phù hợp với quy định như đã nêu ở trên.

(v) Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu. Chú ý là nếu các bên không yêu cầu thì thỏa thuận cũng không vô hiệu.

(vi) Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật.

### ***1.3. Thẩm quyền theo lãnh thổ***

Khác với Tòa án, thẩm quyền của trọng tài không bị giới hạn theo lãnh thổ. Chẳng hạn một trung tâm trọng tài đóng trụ sở ở Hà Nội thì không có nghĩa là trung tâm này chỉ được giải quyết các vụ việc trên địa bàn Hà Nội. Các bên có thể lựa chọn bất kỳ tổ chức hoặc hội đồng trọng tài nào mình thấy phù hợp, dù là của Việt Nam hay nước ngoài, dù nằm ở tỉnh của bên nguyên hay bên bị hoặc bất kỳ tỉnh nào khác, để giải quyết tranh chấp cho mình. Địa điểm diễn ra tố tụng trọng tài cũng hoàn toàn do các bên lựa chọn và có thể nằm ở bất kỳ đâu dù là trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam. Quy định này rõ ràng khác với Tòa án. Tòa án chỉ được xử lý các vụ việc trong thẩm quyền lãnh thổ của mình và mọi thủ tục phải diễn ra tại trụ sở tòa nơi thụ lý vụ án. Các bên được lựa chọn Tòa án, nhưng chỉ trong một số trường hợp rất hạn hữu. Như vậy, có thể thấy về mặt lãnh thổ thì trọng tài linh động hơn Tòa án rất nhiều.

### ***1.4. Phân định thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa Tòa án và trọng tài***

#### ***a) Phân định thẩm quyền trong trường hợp một bên khởi kiện ra Tòa án***

Thẩm quyền của Tòa án phát sinh mặc dù các bên đã có thỏa thuận trọng tài nếu thỏa thuận trọng tài đó vô hiệu, không thể thực hiện được. Ngoài ra, vấn đề thẩm

quyền của trọng tài cũng được đặt ra trong trường hợp thỏa thuận trọng tài không vô hiệu nhưng một bên khởi kiện ra Tòa án.

Điều 6 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được.

Như vậy, Luật trọng tài thương mại năm 2010 đặt ra hai trường hợp mà Tòa án có thể thụ lý vụ án là thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được. Nội dung thỏa thuận trọng tài vô hiệu đã được nêu ở mục II.1.2 (d). Thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được là một nội dung mới so với pháp lệnh cũ. Thực tế, có nhiều điều khoản trọng tài có hiệu lực theo quy định pháp luật, phạm vi tranh chấp thuộc thẩm quyền của trọng tài, người ký thỏa thuận có đầy đủ thẩm quyền, năng lực hành vi, thỏa thuận quy định rõ đối tượng tranh chấp và tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết nhưng khi thực hiện lại không thể giải quyết được bằng trọng tài. Ví dụ, các bên thỏa thuận giải quyết tại một trung tâm trọng tài nhưng đến thời điểm xảy ra tranh chấp thì trung tâm này đã giải thể. Tương tự, các bên thỏa thuận nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu một cá nhân cụ thể giải quyết nhưng đến khi tranh chấp xảy ra thì người này đã chết. Trong cả hai trường hợp này, tuy thỏa thuận trọng tài không vô hiệu song đều không thể thực hiện được. Khi đó, trừ khi các bên có thỏa thuận khác, Tòa án sẽ có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Khi xảy ra một trong hai trường hợp kể trên, Tòa án chấp nhận thụ lý vụ kiện. Trong những trường hợp khác, nếu thỏa thuận trọng tài không vô hiệu và vẫn có thể thực hiện được thì khi một bên khởi kiện, Tòa án phải chủ động từ chối. Mặc dù vậy, có trường hợp Tòa án vẫn được giải quyết nếu các bên không phản đối. Cụ thể, theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao trong Nghị quyết số 05/2003/NQ-HĐQT, “vụ tranh chấp tuy các bên có thỏa thuận trọng tài, nhưng thuộc thẩm quyền giải



quyết của Tòa án nhân dân: Khi được nguyên đơn cho biết bằng văn bản sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc khi được Tòa án thông báo về việc nguyên đơn đã nộp đơn kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ tranh chấp mà trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của nguyên đơn hoặc thông báo của Tòa án, bị đơn không phản đối (được coi là các bên có thỏa thuận mới lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp thay cho thỏa thuận trọng tài).” Cũng cần chú ý là Nghị quyết số 05/2003/NQ-HĐTP được ban hành trước Luật trọng tài thương mại năm 2010 nhưng đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thay thế. Vì vậy, hiệu lực của nghị quyết này chưa rõ vào thời điểm nào và việc áp dụng quy định này cần cân nhắc.

*b) Phân định thẩm quyền trong trường hợp một bên khởi kiện ra trọng tài*

Trong quá trình tố tụng trọng tài, bị đơn có quyền phản đối thẩm quyền của trọng tài nhưng vẫn phải tham gia tiến trình tố tụng để thể hiện sự phản đối đó. Khoản 4 Điều 35 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định trường hợp bị đơn cho rằng vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Trọng tài, không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì phải nêu rõ điều đó trong bản tự bảo vệ.

Sở dĩ bị đơn vẫn phải tham gia tố tụng mặc dù phản đối thẩm quyền của trọng tài vì pháp luật Việt Nam cho trọng tài thẩm quyền tự xác định thẩm quyền của chính mình. Theo đó, khoản 1 Điều 43 Luật trọng tài thương mại năm 2010 quy định trước khi xem xét nội dung vụ tranh chấp, Hội đồng trọng tài phải xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài; thỏa thuận trọng tài có thể thực hiện được hay không và xem xét thẩm quyền của mình. Trong trường hợp vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Hội đồng trọng tài tiến hành giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này. Trường hợp không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì Hội

đồng trọng tài quyết định đình chỉ việc giải quyết và thông báo ngay cho các bên biết.

## **2. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia giải quyết bằng trọng tài thương mại**

### ***2.1. Quyền của tổ chức, cá nhân khi tham gia giải quyết bằng trọng tài***

#### ***a) Quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài***

Các bên trong quan hệ thương mại được toàn quyền thỏa thuận về phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài. Trọng tài không phải là phương thức tố tụng bắt buộc nên nếu các bên không có thỏa thuận trọng tài thì trọng tài sẽ không có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Thỏa thuận trọng tài có thể được lập trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp. Đặc biệt, riêng trong quan hệ giữa người tiêu dùng và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ thì lựa chọn giải quyết bằng trọng tài hay không hoàn toàn do người tiêu dùng quyết định.

Ngoài việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp, tổ chức cá nhân còn có quyền thỏa thuận về một loạt các vấn đề liên quan như hội đồng trọng tài giải quyết tranh chấp, thủ tục tố tụng, bảo mật nội dung tố tụng và phán quyết, v.v.

#### ***b) Quyền khởi kiện, tự bảo vệ***

Khi đã có thỏa thuận trọng tài, bên bị thiệt hại vì hành vi vi phạm hợp đồng có quyền khởi kiện trọng tài để yêu cầu trọng tài phân xử. Trong trường hợp này, một bên không thể khởi kiện ra Tòa án vì Tòa án sẽ từ chối giải quyết tranh chấp, trừ khi thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được.

Khi có đơn khởi kiện, bị đơn có quyền tự bảo vệ bằng việc gửi bản tự bảo vệ cho hội đồng trọng tài. Không những thế, nếu bị đơn cho rằng quyền và lợi ích của mình bị xâm hại thì cũng có quyền kiện ngược lại nguyên đơn.

### *c) Quyền lựa chọn và thay đổi trọng tài*

Các bên có quyền lựa chọn trọng tài viên giải quyết tranh chấp của mình. Trong trường hợp hội đồng trọng tài gồm một trọng tài viên thì trọng tài viên do các bên thỏa thuận. Trong trường hợp hội đồng trọng tài gồm ba trọng tài viên thì mỗi bên chỉ định một trọng tài viên và hai trọng tài viên này bầu một người thứ ba làm chủ tịch hội đồng trọng tài. Nếu có bất kỳ bên nào không thực hiện quyền chỉ định của mình hoặc các bên không thể chỉ định được trọng tài viên thì trọng tài viên sẽ do Chủ tịch Hội đồng trọng tài (trong trường hợp trọng tài quy chế) hoặc Tòa án (trong trường hợp trọng tài vụ việc) chỉ định.

Vì có quyền lựa chọn nên các bên cũng có quyền yêu cầu thay đổi trọng tài viên nếu xảy ra một trong các trường hợp: trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên; trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp; có căn cứ rõ ràng cho thấy trọng tài viên không vô tư, khách quan; hoặc trọng tài viên đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản.

### *d) Quyền phản đối thẩm quyền của trọng tài*

Bị đơn có quyền phản đối thẩm quyền của trọng tài vì lý do không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được hoặc hội đồng trọng tài không có thẩm quyền. Bị đơn phải thực hiện quyền phản đối khi nộp bản tự bảo vệ. Nếu không, bị đơn có thể bị coi là đã từ bỏ quyền này của mình.

Hội đồng trọng tài sẽ phải xem xét hiệu lực thỏa thuận trọng tài và thẩm quyền của mình. Trường hợp thuộc thẩm quyền của mình thì Hội đồng trọng tài tiếp tục giải quyết vụ việc. Nếu không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình, thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc xác định rõ thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì

Hội đồng trọng tài quyết định đình chỉ việc giải quyết. Bên nào không đồng ý với quyết định của trọng tài có quyền khiếu nại ra Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là cuối cùng.

*e) Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời*

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, nếu phát hiện bên kia đang tẩu tán tài sản, trốn tránh việc thực hiện phán quyết trọng tài thì bất kỳ bên nào cũng có thể yêu cầu trọng tài hoặc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể yêu cầu bao gồm: cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp; cấm hoặc buộc bất kỳ bên tranh chấp nào thực hiện một hoặc một số hành vi nhất định nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng bất lợi đến quá trình tố tụng trọng tài; kê biên tài sản đang tranh chấp; yêu cầu bảo tồn, cất trữ, bán hoặc định đoạt bất kỳ tài sản nào của một hoặc các bên tranh chấp; yêu cầu tạm thời về việc trả tiền giữa các bên; cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể phải thực hiện nghĩa vụ đảm bảo tài chính nếu Hội đồng trọng tài yêu cầu.

*f) Quyền thương lượng hòa giải*

Trong quá trình tố tụng trọng tài, các bên vẫn được tự do thương lượng, thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu Hội đồng trọng tài hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp các bên thương lượng thành thì Hội đồng trọng tài đình chỉ giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp các bên hòa giải thành, Hội đồng trọng tài ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành. Quyết định công nhận hòa giải thành có giá trị thi hành như phán quyết trọng tài.

*g) Quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài*

Sau khi ban hành phán quyết trọng tài, bất kỳ bên nào cũng có quyền yêu cầu Tòa án hủy phán quyết trọng tài nếu có một trong các căn cứ: Không có thoả thuận trọng tài hoặc thoả thuận trọng tài vô hiệu; Thành phần Hội đồng trọng tài, thủ tục tố tụng trọng tài không phù hợp với thoả thuận của các bên hoặc trái với các quy định của Luật trọng tài thương mại; Vụ tranh chấp không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài; trường hợp phán quyết trọng tài có nội dung không thuộc thẩm quyền của Hội đồng trọng tài thì nội dung đó bị hủy; Chứng cứ do các bên cung cấp mà Hội đồng trọng tài căn cứ vào đó để ra phán quyết là giả mạo; Trọng tài viên nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết trọng tài; Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Bên yêu cầu hủy phán quyết trọng tài có nghĩa vụ chứng minh cho yêu cầu của mình trừ trường hợp căn cứ hủy là do trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

## ***2.2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khi tham gia giải quyết bằng trọng tài***

### ***a) Nghĩa vụ tham gia tố tụng trọng tài***

Một khi tố tụng trọng tài thì các bên có nghĩa vụ phải tham gia, kể cả nếu bên đó có đồng ý với thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài hay không. Sau khi nhận được thông báo trọng tài mà bị đơn không nộp bản tự bảo vệ trong thời hạn quy định thì bị coi là tự từ bỏ quyền của mình và quá trình giải quyết tranh chấp vẫn được tiến hành bình thường. Tương tự, bị đơn được triệu tập hợp lệ tham dự phiên họp giải quyết tranh chấp mà vắng mặt thì Hội đồng trọng tài vẫn tiếp tục giải quyết tranh chấp căn cứ vào tài liệu và chứng cứ hiện có. Trường hợp nguyên đơn là bên vắng mặt tại phiên họp giải quyết tranh chấp thì bị coi là đã rút đơn khởi kiện và Hội đồng trọng tài đình chỉ giải quyết vụ việc trừ khi bị đơn có yêu cầu hoặc có đơn kiện lại.

### ***b) Nghĩa vụ đóng phí trọng tài***

Nguyên đơn khi nộp đơn khởi kiện phải tạm ứng phí trọng tài. Bị đơn khi có yêu cầu kiện ngược lại nguyên đơn cũng phải tạm ứng phí trọng tài tương ứng với yêu cầu của mình. Các loại phí trọng tài do Trung tâm trọng tài ấn định, bao gồm: Thù lao Trọng tài viên, chi phí đi lại và các chi phí khác cho Trọng tài viên; Phí tham vấn chuyên gia và các trợ giúp khác theo yêu cầu của Hội đồng trọng tài; Phí hành chính; Phí chỉ định Trọng tài viên vụ việc của Trung tâm trọng tài theo yêu cầu của các bên tranh chấp; Phí sử dụng các dịch vụ tiện ích khác được cung cấp bởi Trung tâm trọng tài.

Sau khi có phán quyết, bên thua kiện phải chịu phí trọng tài, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc quy tắc tổ tụng trọng tài quy định khác hoặc Hội đồng trọng tài có sự phân bổ khác.

*c) Nghĩa vụ chứng minh*

Các bên có quyền và nghĩa vụ chứng minh. Nguyên đơn phải đưa ra các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình (tương tự với bị đơn trong trường hợp kiện ngược lại). Ngược lại bị đơn có quyền đưa ra chứng cứ để tự bảo vệ. Nếu một trong các bên gặp khó khăn trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ thì có thể yêu cầu trọng tài thu thập chứng cứ, triệu tập người làm chứng, chỉ định chuyên gia, người giám định, v.v.

*d) Nghĩa vụ chấp hành phán quyết, quyết định của trọng tài*

Khi Hội đồng trọng tài ban hành phán quyết, quyết định thì chúng có giá trị như phán quyết, quyết định của Tòa án và được thi hành. Các bên có nghĩa vụ chấp hành những phán quyết, quyết định của trọng tài, trừ khi được quyền khiếu nại trong một số trường hợp cụ thể. Nếu một bên không chấp hành thì bên được thi hành có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành phán quyết, quyết định trọng tài theo thủ tục thi hành án dân sự.